TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YD** **TỈNH BG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18-07-2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YD, TỈNH BG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà NTTH

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Tân và bà Nguyễn Thị Nhàn

Thư ký phiên toà: Bà PTT - Thư ký Toà án nhân dân huyện YD, tỉnh BG

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD tham gia phiên tòa: Ông TVM - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YD, tỉnh BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 99/2023/TLST- HNGĐ ngày 17/5/2023 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2023 giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Ông TDV, sinh năm 196X; địa chỉ: Xóm HB, ấp X, xã TT, thành phố ĐX, tỉnh BP. *(có đơn xin xét xử vắng mặt)*

- ***Bị đơn:*** Bà OTM, sinh năm 196X; địa chỉ: Thôn BV, xã BV, huyện YD, tỉnh BG. *(có đơn xin xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2023, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông TDV trình bày: Ông và bà OTM tự nguyện chung sống với nhau từ năm 198X. Trước khi về chung sống với nhau ông và bà M có được tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 19XX, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi cọ, xúc phạm nhau do ông Vệ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Gia đình hai bên đã dàn xếp hòa giải cho ông bà nhiều lần nhưng không được. Đến năm 199X, ông V bỏ vào miền Nam làm ăn, sinh sống. Từ đó đến nay ông và bà M đã cắt đứt mọi liên lạc với nhau, không còn quan tâm hay có quan hệ tình cảm gì nữa. Thỉnh thoảng ông có về thăm gia đình được vài lần nhưng do ông và bà M đã hết tình cảm nên cũng không hàn gắn được. Vợ chồng ông đã ly thân từ năm 199X đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng, chỉ còn ràng buộc với nhau ở trách nhiệm chung với các con. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà M không còn, không thể đoàn tụ với

nhau được nữa nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà M để giải phóng cho cả hai bên.

Về con chung: Ông và bà M có 02 con chung là TĐQ, sinh ngày 12/4/198X và TĐT, sinh ngày 10/4/198X. Hiện nay cả hai con chung của đều đã trưởng thành, có cuộc sống riêng, ông không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Ông xác định không có, khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà OTM trình bày: Bà và ông V kết hôn với nhau năm 198X, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 199X thì xảy ra mau thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên bà không thể tha thứ. Sau đó đến năm 199X thì ông V bỏ vào miền Nam sinh sống và ở luôn trong đó cho đến nay. Thỉnh thoảng ông Vệ có về thăm nhà nhưng chỉ là thăm các con cháu chứ bà và ông Vệ không còn mối liên hệ tình cảm vợ chồng nào. Ông bà đã ly thân từ năm 199X đến nay. Nay ông V yêu cầu được ly hôn với bà thì bà đồng ý.

Về con chung: bà và ông Vệ có 02 con chung là TĐQ, sinh ngày 12/4/198X và TĐT, sinh ngày 10/4/198X. Hiện nay cả hai con chung của đều đã trưởng thành, có cuộc sống riêng, bà không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Bà xác định vợ chồng bà không có, khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ thu thập được:

+ Tại biên bản xác minh ngày 12/6/2023, UBND xã BV cung cấp: Qua kiểm tra rà soát sổ sách theo dõi việc đăng ký kết hôn lưu trữ tại UBND xã BV thì UBND xã chỉ còn lưu giữ được sổ sách đăng ký kết hôn từ năm 1999 đến nay và trong sổ sách đăng ký kết hôn tại UBND xã BV từ năm 1999 đến nay không có trường hợp nào có họ tên TDV, sinh năm 196X, quê quán: xã BV, huyện YD, tỉnh BG; nơi ở hiện tại: Ấp 7, xã TT, thành phố ĐX, tỉnh BP kết hôn với người có họ tên là OTM, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn BV, xã BV, huyện YD, tỉnh BG.

+ Tại biên bản xác minh ngày 12/6/2023, ông PHN là trưởng thôn BV cung cấp: Ông TDV và bà OTM chung sống với nhau từ năm 198X đến nay, có tổ chức lễ cưới hỏi mà không đăng ký kết hôn. Việc chung sống như vợ chồng của ông Vệ và bà Minh là công khai, được hai bên gia đình thừa nhận. Hai vợ chồng chung sống hòa thuận và có hai con chung nhưng đến khoảng năm 199X thì vợ chồng có mâu thuẫn nên ông V bỏ đi miền Nam làm ăn rồi ở luôn trong đó chỉ thỉnh thoảng mới về thăm nhà rồi lại đi ngay. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng ông V bà M thì địa phương không nắm được. Hiện nay chỉ có mình bà

Minh cùng các con và các cháu sống tại địa phương, bố mẹ ông Vệ đều đã chết, các con ông V đều đã trưởng thành và lập gia đình hết.

+ Tại biên bản xác minh ngày 12/6/2023, ông OKĐ là anh trai của bà OTM cung cấp: Bà M và ông tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 198X, trước khi về chung sống cùng nhau thì ông V và bà M có được tự do tìm hiểu một thời gian, khi về chung sống với nhau ông V, bà M có được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng ông V chung sống hòa thuận được đến khoảng năm 199X thì do ông V ngoại tình nên bà M phát hiện và không chấp nhận, từ đó vợ chồng rạn nứt. Đến năm 199X thì ông V bỏ vào miền Nam làm ăn, sinh sống từ đó đến nay, thỉnh thoảng có về thăm nhà xong một thời gian lại đi ngay. Hiện nay chỉ có mình bà M cùng các con và các cháu sống tại địa phương, bố mẹ ông Vệ đều đã chết, các con ông Vệ đều đã trưởng thành và lập gia đình hết.

Do ông V và bà M đều có đơn đề nghị không hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên toà hôm nay, ông V và bà M đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG phát biểu:

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông TDV và xử cho ông V được ly hôn bà OTM. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Ông TDV là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền: Bị đơn là bà OTM sinh sống và cư trú trên địa bàn xã Cảnh Thuỵ, huyện YD, về yêu cầu khởi kiện của ông Vệ thì thấy đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YD, tỉnh BG theo khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về mối quan hệ hôn nhân: Mặc dù ông V và bà M không đăng ký kết hôn nhưng qua xác minh tại gia đình, địa phương và căn cứ vào lời khai của các

đương sự thì ông V và bà M cùng chung sống và chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình từ năm 198X, được tự do tìm hiểu trước khi chung sống, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Việc ông V, bà M chung sống với nhau là tự nguyện, công khai và được hai bên gia đình thừa nhận. Do vậy, cần căn cứ vào điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội để công nhận ông V và bà M là vợ chồng.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông V có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên bà M không chấp nhận và không tha thứ cho ông V. Mâu thuẫn của vợ chồng trở nên trầm trọng vào khoảng năm 199X, khi ông V bỏ vào miền Nam ở từ đó đến nay, chỉ thỉnh thoảng về thăm các con, cả hai ông bà đều thừa nhận vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không liên lạc hay quan tâm gì đến nhau nữa. Ông V yêu cầu ly hôn, bà M cũng đồng ý chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho ông TDV ly hôn bà OTM là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Ông V và bà M đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông TDV là người cao tuổi nên cần miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông V là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông TDV được ly hôn bà OTM.

2.2. Về án phí: Ông TDV được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Hướng dẫn thi hành án dân dự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- VKSND huyện YD;
- CCTHADS huyện YD;
- UBND xã BV, huyện YD;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

NTTH